UBND TỈNH HƯNG YÊN
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1266/QĐ-SGDĐT

Hưng Yên, ngày 22 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 cho các đơn vị thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Hưng Yên

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2169/QĐ-UBND ngày 12/12/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc giao chỉ tiêu kế hoạch nhà nước năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 63/2025/QĐ-UBND ngày 15/9/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hưng Yên;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch-Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 cho các đơn vị thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo *(theo phụ lục đính kèm).*

Điều 2. Căn cứ dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 được giao, Thủ trưởng đơn vị tại Điều 1 tổ chức quản lý, sử dụng và thanh, quyết toán kinh phí đúng mục đích, theo quy định của pháp luật; bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm, không để xảy ra thất thoát, lãng phí ngân sách nhà nước; đồng thời chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán về các nội dung thực hiện dự toán được giao.

Điều 3. Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị tại Điều 1 và các đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
- KBNN khu vực IV;
- Giám đốc, Phó Giám đốc[ĐXP];
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH HƯNG YÊN

Phạm Đồng Thụy

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2026
Đơn vị: Trường THPT Trần Hưng Đạo
(Kèm theo Quyết định số 1266/QĐ-GDĐT ngày 22/12/2025 của Sở GD&ĐT)

Đơn vị : nghìn đồng

TT	NỘI DUNG	Chương	Loại	Khoản	Mã ĐVQHNS	Mã KBNN	Tổng số	Tiết kiệm 10% giữ lại ngân sách tỉnh	Dự toán giao cho đơn vị
I	**THU CHI PHÍ, LỆ PHÍ**								
	Tổng số thu từ phí, lệ phí								
	Số thu phí được để lại chi theo chế độ								
	Số nộp NSNN								
II	**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**	**422**			**1059970**	**0411**			
1	**GIÁO DỤC ĐÀO TẠO, DẠY NGHỀ**		**070**	**074**			**20.587.000**	**333.000**	**20.254.000**
	- Tự chủ						***14.316.000***	***133.000***	***14.183.000***
	- Không tự chủ						***6.271.000***	***200.000***	***6.071.000***
	+ Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP						680.000	0	680.000
	+ Cấp bù học phí (chi hoạt động từ nguồn kinh phí cấp bù học phí)						1.782.000	0	1.782.000
	+ Hỗ trợ chi phí học tập						9.000	0	9.000
	+ Tiền thừa giờ; bồi dưỡng học sinh yếu kém, ôn thi tốt nghiệp lớp 12						1.733.000	0	1.733.000
	+ Chi các kỳ thi						500.000	50.000	450.000
	+ Hỗ trợ công tác phí cho giáo viên đi bồi dưỡng, làm công tác coi thi						50.000	0	50.000
	+ Sửa chữa, bảo dưỡng khu vệ sinh học sinh Khu A						500.000	50.000	450.000
	+ Sửa chữa bảo dưỡng khu vệ sinh học sinh khu B						500.000	50.000	450.000
	+ Sửa chữa bảo dưỡng nhà che nắng						500.000	50.000	450.000
	+ Máy in bằng tốt nghiệp						17.000	0	17.000
2	**KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ**		**100**	**121**			**63.220**	**0**	**63.220**
	- Tự chủ								
	- Không tự chủ						**63.220**	**0**	**63.220**
	+ Triển khai hệ thống CSDL và quản lý kết nối, chia sẻ dữ liệu địa phương ngành giáo dục (Trang bị phần mềm quản lý)						5.000		5.000
	+ Triển khai hệ thống quản lý họp và điều hành tác nghiệp ngành giáo dục (Trang bị phần mềm quản lý)						4.500		4.500
	+ Tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn về CNTT, chuyển đổi số cho GV, CBQL, HSSV						15.600		15.600
	+ Triển khai học bạ số cấp TH, THCS, THPT, GDTX						10.960		10.960
	+ Triển khai phần mềm TS đầu cấp, phần mềm quản lý TS vào lớp 10, phần mềm thi trực tuyến						15.000		15.000
	+ Phần mềm kiểm định chất lượng giáo dục MN, PT, GDTX						2.160		2.160
	+ Trang bị phần mềm thư viện điện tử từ MN đến THPT						10.000		10.000

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO